

ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - NH 2024-2025

MÔN SINH KHỐI 10

PHẦN 1: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

BÀI 8. TẾ BÀO NHÂN SƠ

Câu 1. Tế bào nhân sơ có kích thước nhỏ nên

- A. trao đổi chất nhanh nhưng sinh trưởng và sinh sản kém.
- B. trao đổi chất, sinh trưởng và sinh sản nhanh.
- C. trao đổi chất chậm dẫn đến sinh trưởng và sinh sản kém.
- D. trao đổi chất chậm nhưng lại phát triển và sinh sản rất nhanh

Câu 2. Câu nào sau đây đúng nhất khi nói về vùng nhân của tế bào nhân sơ?

- A. Chứa một phân tử DNA dạng thẳng, kép.
- B. Không liên kết với các loại protein khác.
- C. Khu trú ở vùng màng tế bào.
- D. Không được bao bọc bởi màng nhân.

Câu 3. Tế bào chất của tế bào nhân sơ có chứa cấu trúc nào sau đây?

- A. Các bào quan có màng bao bọc.
- B. Ribosome và các hạt dự trữ.
- C. Bộ khung xương tế bào.
- D. Hệ thống nội màng.

Câu 4. Tế bào chất của tế bào nhân sơ không có chứa cấu trúc nào sau đây?

- A. Các bào quan có màng bao bọc.
- B. Riboxom và các hạt dự trữ.
- C. Plasmid.
- D. Vùng nhân

Câu 5. Chức năng chính của thành tế bào nhân sơ là gì?

- A. Bảo vệ và quy định hình dạng tế bào.
- B. Nơi diễn ra các phản ứng trao đổi chất.
- C. Thực hiện quá trình trao đổi chất.
- D. Mang thông tin di truyền quy định đặc điểm của tế bào.

Câu 6. Tế bào chất có chức năng gì?

- A. Bảo vệ và quy định hình dạng tế bào.
- B. Nơi diễn ra các phản ứng trao đổi chất.
- C. Thực hiện quá trình trao đổi chất.
- D. Mang thông tin di truyền quy định đặc điểm của tế bào.

Câu 7. Đặc điểm **không** có ở tế bào nhân sơ là gì?

- A. Kích thước nhỏ nên sinh trưởng, sinh sản nhanh.
- B. Thành tế bào cấu tạo chủ yếu là kitin.
- C. Bào quan không có màng bao bọc.
- D. Chưa có hệ thống nội màng, chưa có màng nhân.

Câu 8. Các thành phần nào **không** bắt buộc cấu tạo nên tế bào nhân sơ?

- A. Vỏ nhầy, thành tế bào, roi, lông.
- B. Vùng nhân, tế bào chất, roi, lông.
- C. Vùng nhân, tế bào chất, màng sinh chất, roi.
- D. Màng sinh chất, thành tế bào, vỏ nhầy, vùng nhân.

Câu 9. Vùng nhân của tế bào nhân sơ làm nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Bảo vệ và quy định hình dạng tế bào.
- B. Nơi diễn ra các phản ứng trao đổi chất.
- C. Thực hiện quá trình trao đổi chất.
- D. Mang thông tin di truyền quy định đặc điểm của tế bào

Câu 10. Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ:

- A. Cellulose.
- B. Polysaccharide.
- C. Chitin.
- D. Peptidoglycan.

Câu 11. Tế bào vi khuẩn có các hạt ribosome làm nhiệm vụ gì?

- A. Chứa chất dự trữ cho tế bào.
- B. Tổng hợp protein cho tế bào.
- C. Bảo vệ cho tế bào.
- D. Tham gia vào quá trình phân bào.

Câu 12. Ở vi khuẩn màng nhầy có tác dụng gì?

- A. Giữ ẩm cho tế bào.
- B. Giảm ma sát khi vận động.
- C. Bảo vệ tế bào.
- D. Thay đổi hình dạng tế bào.

Câu 13. Để tìm hiểu vai trò của thành tế bào ở vi khuẩn hình que, các nhà nghiên cứu hủy thành tế bào và cho vi khuẩn vào môi trường đẳng trương, kết quả là

- A. hình dạng vi khuẩn không đổi.
- B. vi khuẩn có hình cầu.
- C. tế bào chất hòa lẫn vào môi trường.
- D. vi khuẩn chết ngay sau đó.

Câu 14. Người ta chia vi khuẩn ra hai loại là vi khuẩn Gram dương và vi khuẩn Gram âm dựa vào?

- A. Số lượng plasmid trong tế bào chất của vi khuẩn.
- B. Khả năng chịu nhiệt của vi khuẩn.
- C. Cấu trúc và thành phần hóa học của thành tế bào.
- D. Cấu trúc của nhân tế bào.

Câu 15. Trong y học, dùng phương pháp xét nghiệm nhằm phân biệt được hai nhóm vi khuẩn Gram âm và Gram dương với mục đích gì?

- A. Chọn được loại vi khuẩn đem ứng dụng trong kỹ thuật di truyền.
- B. Để biết cách kết hợp các phương pháp điều trị.
- C. Sử dụng phương pháp hóa trị liệu phù hợp.
- D. Sử dụng các loại thuốc kháng sinh đặc hiệu để tiêu diệt từng loại vi khuẩn gây bệnh.

BÀI 11. VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT QUA MÀNG SINH CHẤT

Câu 16. Cơ chế vận chuyển các chất từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao là cơ chế

- A. vận chuyển chủ động.
- B. vận chuyển thụ động.
- C. thẩm tách.
- D. thẩm thấu.

Câu 17. Nước được vận chuyển qua màng tế bào nhờ

- A. sự biến dạng của màng tế bào.
- B. bơm protein và tiêu tốn ATP.
- C. sự khuếch tán của các ion qua màng.
- D. kênh protein đặc biệt là “aquaporin”.

Câu 18. Các chất tan trong lipid được vận chuyển vào trong tế bào qua đâu?

- A. Kênh protein đặc biệt.
- B. Các lỗ trên màng.
- C. Lớp kép phospholipid.
- D. Kênh protein xuyên màng.

Câu 19. Trong các nhóm chất sau, nhóm chất nào dễ dàng đi qua màng tế bào nhất?

- A. Nhóm chất tan trong nước và có kích thước nhỏ.
- B. Nhóm chất tan trong nước và có kích thước lớn.
- C. Nhóm chất tan trong dầu và có kích thước nhỏ.
- D. Nhóm chất tan trong dầu và có kích thước lớn.

Câu 20. Chất O_2 , CO_2 đi qua màng tế bào bằng phương thức nào?

- A. Khuếch tán qua lớp kép phospholipid.
- B. Nhờ sự biến dạng của màng tế bào.
- C. Nhờ kênh protein đặc biệt.
- D. Vận chuyển chủ động.

Câu 21. Trong nhiều trường hợp, sự vận chuyển qua màng tế bào phải sử dụng “chất mang”. “Chất mang” chính là các phân tử

- A. protein xuyên màng.
- B. phospholipid.
- C. protein bám màng.
- D. cholesterol.

Câu 22. Hiện tượng thẩm thấu là

- A. sự khuếch tán của các chất qua màng.
- B. sự khuếch tán của các ion qua màng.
- C. sự khuếch tán của các phân tử nước qua màng.
- D. sự khuếch tán của chất tan qua màng.

Câu 23. Năng lượng được sử dụng chủ yếu trong sự vận chuyển chủ động các chất là năng lượng trong phân tử

- A. Na^+ .
- B. Protein.
- C. ATP.
- D. ARN.

Câu 24. Nhập bào là phương thức vận chuyển

- A. chất có kích thước nhỏ và mang điện.
- B. chất có kích thước nhỏ và phân cực.
- C. chất có kích thước nhỏ và không tan trong nước.
- D. chất có kích thước lớn.

Câu 25. Hiện tượng nào sau đây là ví dụ của cơ chế vận chuyển thụ động?

- A. Khi nhai cơm lâu sẽ cảm thấy ngọt.
- B. Nước sẽ vận chuyển từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp.
- C. O_2 từ phế nang vào mao mạch phổi.
- D. Tim bơm máu đi khắp cơ thể.

Câu 26. Trong môi trường nhược trương, tế bào nào có nhiều khả năng sẽ bị vỡ?

- A. Tế bào hồng cầu.
- B. Tế bào nấm men.
- C. Tế bào thực vật.
- D. Tế bào vi khuẩn.

Câu 27. Vận chuyển (1)...là phương thức vận chuyển các chất qua (2)... mà (3)....

- A. (1) chủ động, (2) màng sinh chất, (3) không tiêu tốn năng lượng.
- B. (1) thụ động, (2) màng sinh chất, (3) không tiêu tốn năng lượng.
- C. (1) chủ động, (2) ti thể, (3) tiêu tốn năng lượng.
- D. (1) thụ động, (2) màng sinh chất, (3) tiêu tốn năng lượng.

Câu 28. Khi cho tế bào hồng cầu vào nước cất, hiện tượng xảy ra là

- A. tế bào hồng cầu không thay đổi.
- B. tế bào hồng cầu nhỏ đi.
- C. tế bào hồng cầu to ra và bị vỡ.
- D. tế bào hồng cầu lúc đầu to ra, lúc sau nhỏ lại.

Câu 29. Tại sao khi ngâm mơ với đường sau một thời gian thì quả mơ teo lại, có vị ngọt và chua, đồng thời nước mơ cũng có vị ngọt và chua?

A. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài cao hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.

B. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài thấp hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài.

C. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài thấp hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.

D. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài cao hơn trong quả mơ nên nước trong mơ khuếch tán ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.

Câu 30. Một tế bào nhân tạo có màng bán thấm và chứa dung dịch lỏng (0,03M saccharose; 0,02M glucose) được ngâm vào cốc chứa loại dung dịch (0,01M saccharose; 0,01M glucose; 0,01M fructose). Màng bán thấm chỉ cho nước và đường đơn đi qua nhưng không cho đường đôi đi qua. Phát biểu nào sau đây là sai về chiều vận chuyển các chất?

- A. Glucozo đi từ trong tế bào ra ngoài.
- B. Fructozo đi từ ngoài vào trong tế bào.
- C. Nước đi từ ngoài vào trong tế bào.
- D. Saccharose đi từ ngoài vào trong tế bào.

BÀI 12. THỰC HÀNH: SỰ VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT QUA MÀNG SINH CHẤT

Câu 31. Trong thí nghiệm co nguyên sinh, biện pháp nào sau đây có thể làm giảm tốc độ co nguyên sinh của tế bào?

- A. Tăng nồng độ dung dịch NaCl.
- B. Giảm nồng độ dung dịch NaCl.
- C. Bổ sung thêm dung dịch HCl.
- D. Bổ sung thêm dung dịch NaOH.

Câu 32. Muốn gây hiện tượng phản co nguyên sinh cần đưa tế bào biểu bì củ hành tím vào

- A. môi trường đẳng trương.
- B. môi trường nhược trương.
- C. môi trường ưu trương.
- D. môi trường bão hòa.

Câu 33. Khi nhỏ nước cất vào tế bào biểu bì hành tím đã co nguyên sinh nhưng không quan sát được hiện tượng phản co nguyên sinh thì nguyên nhân có thể là do

- A. thời gian co nguyên sinh quá lâu dẫn tế bào bị chết.
- B. nước cất không phải là môi trường nhược trương.
- C. NaCl không di chuyển được vào trong tế bào.
- D. chất tan ở trong tế bào tdi chuyển ra môi trường.

- Câu 34.** Khi tế bào máu éch vào dung dịch NaCl 0,65% thì sẽ quan sát được hiện tượng nào sau đây?
- Tế bào trương lên rồi vỡ.
 - Tế bào trương lên nhưng không vỡ.
 - Cả tế bào bị co lại.
 - Tế bào không thay đổi hình dạng.
- Câu 35.** Tại sao trong môi trường nhược trương, tế bào động vật lại bị tan bào còn tế bào thực vật thì không?
- Do tế bào động vật có thành tế bào mỏng.
 - Do tế bào động vật có thành tế bào dày.
 - Do tế bào động vật không có thành tế bào.
 - Do tế bào động vật có kích thước nhỏ hơn.
- Câu 36.** Cho các bước thí nghiệm sau:
- Gọt vỏ củ khoai tây, cắt thành những miếng nhỏ dày 1 cm rồi cho vào 2 ống nghiệm được đánh số 1 và 2 đã có sẵn 10 mL nước cất.
 - Nhỏ 3 – 4 giọt dung dịch xanh methylene vào cả 2 ống nghiệm ngâm 20 phút.
 - Dùng kẹp gấp các miếng khoai tây ra, sau đó cắt đôi và quan sát tính thấm của xanh methylene vào các miếng khoai tây ở cả hai ống nghiệm.
 - Ống nghiệm 1 để nguyên làm ống đối chứng, ống nghiệm 2 đun trên ngọn lửa đèn cồn khoảng 2 phút.
- Trình tự thực hiện thí nghiệm để xác định tính thấm có chọn lọc của màng sinh chất tế bào sống là:
- (1) → (2) → (3) → (4).
 - (1) → (4) → (2) → (3).
 - (1) → (4) → (3) → (2).
 - (1) → (3) → (4) → (2).
- Câu 37.** Trong thí nghiệm xác định tính thấm có chọn lọc của màng sinh chất tế bào sống, sau khi cắt miếng khoai tây tại 2 ống nghiệm (ống nghiệm 1: không đun; ống nghiệm 2: đun sôi 2 phút) và quan sát, sẽ thu được kết quả nào sau đây?
- Miếng khoai trong ống nghiệm 1 không bắt màu xanh, miếng khoai trong ống nghiệm 2 thấm màu xanh.
 - Miếng khoai trong ống nghiệm 1 thấm màu xanh, miếng khoai trong ống nghiệm 2 không thấm màu xanh.
 - Miếng khoai trong cả 2 ống đều thấm màu xanh như nhau.
 - Miếng khoai trong cả 2 ống đều không thấm màu xanh.
- Câu 38.** Khi hầm canh khoai tây với củ dền đỏ, nếu để lâu khoai tây sẽ bị đổi màu do
- sắc tố từ khoai tây bị ngấm vào củ dền.
 - sắc tố từ khoai tây bị phân giải dưới nhiệt độ cao.
 - sắc tố từ củ dền ngấm vào khoai tây.
 - sắc tố từ củ dền đã phân giải hết sắc tố từ củ khoai tây.
- Câu 39.** Trong thí nghiệm cơ nguyên sinh, dung dịch NaCl 2% được nhỏ vào tiêu bản tế bào biểu bì củ hành tím được xem là
- môi trường đẳng trương.
 - môi trường ưu trương.
 - môi trường nhược trương.
 - môi trường bão hòa.
- Câu 40.** Trong thí nghiệm cơ nguyên sinh, sau khi nhỏ dung dịch NaCl 2% vào tiêu bản tế bào biểu bì củ hành tím, sẽ quan sát được hiện tượng nào sau đây?
- Phần chất nguyên sinh của tế bào co lại, màng sinh chất tách ra khỏi thành tế bào.
 - Phần chất nguyên sinh của tế bào co lại, màng sinh chất bám chặt vào thành tế bào.
 - Cả tế bào co lại khiến tế bào bị mất đi hình dạng ban đầu.
 - Cả tế bào trương lên rồi vỡ ra khiến giảm số lượng tế bào.

BÀI 13. CHUYỂN HOÁ VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG TRONG TẾ BÀO

- Câu 41.** ATP là một hợp chất cao năng, năng lượng của ATP tích lũy chủ yếu ở
- cả 3 nhóm phosphat.
 - hai liên kết phosphat gần phân tử đường.
 - hai liên kết giữa 2 nhóm phosphat ở ngoài cùng.
 - chỉ 1 liên kết phosphat ngoài cùng.
- Câu 42.** Dạng năng lượng nào là dạng năng lượng tiềm ẩn chủ yếu trong tế bào?
- Điện năng.
 - Quang năng.
 - Hóa năng.
 - Cơ năng.
- Câu 43.** Tại tế bào, ATP chủ yếu được sinh ra trong
- ti thể.
 - tế bào chất.
 - lục lạp.
 - ribosom.

- Câu 44.** ATP có chức năng cung cấp năng lượng cho các quá trình, ngoại trừ
- sinh tổng hợp của tế bào.
 - vận chuyển chủ động.
 - sinh công cơ học.
 - vận chuyển thụ động.
- Câu 45.** Hoạt động nào sau đây của tế bào KHÔNG tiêu tốn năng lượng ATP?
- Vận chuyển chủ động.
 - Vận chuyển thụ động.
 - Tổng hợp các chất.
 - Sinh công cơ học.
- Câu 46.** Khi nói về chuyển hoá vật chất và năng lượng, nhận định nào dưới đây là không chính xác?
- Chuyển hoá vật chất là tập hợp các phản ứng xảy ra bên ngoài tế bào.
 - Chuyển hoá vật chất gồm hai quá trình. đồng hóa và dị hóa.
 - Chuyển hoá vật chất giúp tế bào thực hiện các đặc tính của sự sống như sinh trưởng, phát triển, cảm ứng, sinh sản.
 - Chuyển hoá vật chất luôn đi kèm chuyển hoá năng lượng.
- Câu 47.** Khi nói về chuyển hoá vật chất trong tế bào, phát biểu nào sau đây đúng?
- trong quá trình chuyển hóa vật chất, các chất được di chuyển từ vị trí này sang vị trí khác trong tế bào.
 - chuyển hóa vật chất là quá trình biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.
 - chuyển hóa vật chất là quá trình quang hợp và hô hấp xảy ra trong tế bào.
 - chuyển hóa vật chất là tập hợp các phản ứng sinh hoá xảy ra bên trong tế bào.
- Câu 48.** Đồng hoá là
- tập hợp tất cả các phản ứng sinh hoá xảy ra bên trong tế bào.
 - tập hợp một chuỗi các phản ứng kế tiếp nhau.
 - quá trình tổng hợp các chất hữu cơ phức tạp từ các chất đơn giản.
 - quá trình phân giải các chất hữu cơ phức tạp thành các chất đơn giản.
- Câu 49.** Vai trò của enzyme trong tế bào là gì?
- Chất xúc tác.
 - Chất nền.
 - Tích trữ năng lượng.
 - Tham gia vào quang hợp.
- Câu 50.** Quá trình dị hoá gắn liền với hiện tượng
- tích trữ năng lượng.
 - giải phóng năng lượng.
 - tổng hợp chất hữu cơ.
 - chuyển động năng thành thế năng.
- Câu 51.** Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính của enzyme là
- độ pH.
 - nhiệt độ.
 - quang năng.
 - nhiệt độ và độ pH.
- Câu 52.** Tại sao nói ATP là đồng tiền năng lượng của tế bào?
- Vận chuyển các chất qua màng sinh chất.
 - Tham gia hầu hết các hoạt động sống của tế bào.
 - Tổng hợp nên các chất cần thiết cho tế bào.
 - Sinh công cơ học.
- Câu 53.** Trong mỗi phân tử ATP có bao nhiêu liên kết cao năng?
- 2.
 - 1.
 - 3.
 - 4.
- Câu 54.** Cho các phân tử:
- (1) ATP.
 - (2) ADP.
 - (3) AMP.
 - (4) N_2O .
- Những phân tử mang liên kết cao năng là
- (1), (2).
 - (1), (3).
 - (1), (2), (3).
 - (1), (2), (3), (4).
- Câu 55.** Dựa vào trạng thái có sẵn sàng sinh công hay không, người ta phân chia năng lượng thành mấy loại?
- 3 loại.
 - 5 loại.
 - 4 loại.
 - 2 loại.
- Câu 56.** Phát biểu đúng về ATP là
- Cung cấp năng lượng cho quá trình sinh công cơ học.
 - Cung cấp năng lượng cho tế bào vận chuyển các chất qua hô hấp.
 - Xúc tác cho quá trình tổng hợp tất cả các chất.
 - Cung cấp năng lượng cho tế bào phân giải các chất.

- Câu 57.** Trong phân tử ATP, có 3 nhóm phosphat nên chúng
- hoạt động yếu.
 - hút nhau mạnh dẫn đến dễ hình thành phân tử.
 - đều tích điện âm nên có xu hướng đẩy nhau, giải phóng năng lượng.
 - dễ liên kết với các phân tử khác.
- Câu 58.** Trong tế bào, ATP KHÔNG có vai trò nào sau đây?
- Cung cấp năng lượng cho quá trình sinh công cơ học.
 - Cung cấp năng lượng cho tế bào vận chuyển các chất qua màng.
 - Xúc tác cho quá trình tổng hợp tất cả các chất.
 - Cung cấp năng lượng cho tế bào tổng hợp các chất.
- Câu 59.** Khi nói về enzyme, nhận định nào dưới đây là chính xác?
- Tốc độ phản ứng nhanh hay chậm phụ thuộc vào hoạt tính của enzyme mạnh hay yếu.
 - Hoạt tính của enzyme được đo bằng hình dạng sản phẩm hình thành sau phản ứng.
 - Đồng hoá là quá trình tổng hợp các chất hữu cơ phức tạp và giải phóng năng lượng.
 - Chuyển hoá vật chất là tập hợp các phản ứng xảy ra bên trong tế bào và dịch ngoại bào.
- Câu 60.** Dựa vào trạng thái sẵn sàng sinh ra công hay không người ta chia năng lượng thành 2 dạng là
- cơ năng và quang năng.
 - hóa năng và động năng.
 - thế năng và động năng.
 - hóa năng và nhiệt năng.

PHẦN II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

BÀI 8. TẾ BÀO NHÂN SƠ

- Câu 1.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về đặc điểm chung cho tất cả các tế bào nhân sơ?
- Không có màng nhân
 - Không có nhiều loại bào quan
 - Không có hệ thống nội màng
 - Không có thành tế bào bằng peptidoglycan
- Câu 2.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về tế bào nhân sơ?
- Tế bào nhân sơ chưa có nhân hoàn chỉnh và đã xuất hiện 1 số bào quan có màng bao bọc.
 - Vùng nhân của tế bào nhân sơ chỉ chứa 1 phân tử DNA dạng vòng duy nhất.
 - Tỉ lệ diện tích bề mặt trên thể tích càng lớn, quá trình trao đổi chất giữa tế bào và môi trường càng chậm.
 - Thiếu plasmid, tế bào nhân sơ vẫn có thể sinh trưởng bình thường.
- Câu 3.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về tác dụng của lớp vỏ nhầy đối với một số loại vi khuẩn gây bệnh ở người?
- Vỏ nhầy giúp vi khuẩn dễ di chuyển.
 - Vỏ nhầy giúp vi khuẩn dễ thực hiện trao đổi chất.
 - Vỏ nhầy giúp vi khuẩn ít bị các tế bào bạch cầu tiêu diệt.
 - Vỏ nhầy giúp vi khuẩn không bị tiêu diệt bởi thuốc kháng sinh.
- Câu 4.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về Plasmid?
- Plasmid gồm nhiều phân tử DNA dạng vòng, có kích thước nhỏ nằm ngoài vùng nhân.
 - Plasmid gồm nhiều phân tử DNA ở ngoài vùng nhân.
 - Plasmid là tên gọi khác của DNA dạng vòng ở trong vùng nhân của tế bào vi khuẩn.
 - Plasmid gồm 1 phân tử DNA dạng vòng ở trong vùng nhân và các phân tử DNA khác ở ngoài vùng nhân.

BÀI 11. VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT QUA MÀNG SINH CHẤT

- Câu 5.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về tỉ lệ giữa đồng hóa và dị hóa ở cơ thể?
- Tỉ lệ đồng hóa và dị hóa ở cơ thể không thay đổi.
 - Ở trẻ em, cơ thể đang lớn, quá trình đồng hoá nhỏ hơn dị hoá, ngược lại ở người già, quá trình dị hoá lại nhỏ hơn đồng hoá.
 - Vào thời điểm lao động, dị hoá nhỏ hơn đồng hoá, ngược lại lúc nghỉ ngơi đồng hoá nhỏ hơn dị hoá.
 - Tỉ lệ giữa đồng hoá và dị hoá ở cơ thể (khác nhau về độ tuổi và trạng thái) là không giống nhau và phụ thuộc vào lứa tuổi và trạng thái lao động.
- Câu 6.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về nhập bào?
- Nhập bào bao gồm 2 loại là: ẩm bào – ăn các chất có kích thước lớn, thực bào – ăn các giọt dịch.
 - Nhập bào bao gồm 2 loại là: ẩm bào – ăn các giọt dịch, thực bào – ăn các chất có kích thước lớn.

- c. Nhập bào bao gồm 2 loại là: ẩm bào – ăn các giọt dịch, thực bào – ăn các phân tử khí.
 d. Nhập bào bao gồm 2 loại là: ẩm bào – ăn các phân tử khí, thực bào – ăn các giọt dịch.
- Câu 7.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về sự vận chuyển thụ động các chất qua màng tế bào?
- Cần cung cấp năng lượng cho quá trình vận chuyển.
 - Các chất được vận chuyển từ nơi có nồng độ thấp sang nơi có nồng độ cao.
 - Chỉ xảy ra ở động vật không xảy ra ở thực vật.
 - Tuân thủ theo nguyên lý khuếch tán.
- Câu 8.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về hậu quả khi màng của lysoxom bị vỡ?
- Tế bào mất khả năng phân giải các chất độc hại.
 - Tế bào bị chết do tích lũy nhiều chất độc.
 - Hệ enzyme của lysoxom sẽ bị mất hoạt tính.
 - Tế bào bị hệ enzyme của lysoxom phân hủy

BÀI 13. CHUYỂN HOÁ VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG TRONG TẾ BÀO

- Câu 9.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về ATP?
- ATP là một hợp chất cao năng.
 - ATP là đồng tiền năng lượng của tế bào.
 - ATP là hợp chất chứa nhiều năng lượng nhất trong tế bào.
 - ATP được sinh ra trong quá trình chuyển hóa vật chất và sử dụng trong các hoạt động sống của tế bào.
- Câu 10.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về vai trò của ATP đối với người tập thể hình?
- ATP là nguồn năng lượng có thể cung cấp cho hoạt động sống cũng như quá trình tập luyện.
 - ATP phân giải các chất hữu cơ cho hoạt động sống cũng như quá trình tập luyện.
 - ATP hóa giải năng lượng cho hoạt động sống cũng như quá trình tập luyện.
 - ATP giúp cung cấp nước cho hoạt động sống cũng như quá trình tập luyện.
- Câu 11.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về chuyển hoá vật chất và năng lượng?
- Chuyển hoá vật chất luôn đi kèm chuyển hoá năng lượng.
 - Ở người già, quá trình đồng hoá luôn diễn ra mạnh mẽ hơn quá trình dị hoá.
 - Đồng hoá là quá trình tổng hợp các chất hữu cơ phức tạp và giải phóng năng lượng.
 - Chuyển hoá vật chất là tập hợp các phản ứng xảy ra bên trong tế bào và dịch ngoại bào.
- Câu 12.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về nhiệt năng?
- Năng lượng củi khô chưa đốt.
 - Năng lượng của hợp chất hữu cơ.
 - Năng lượng bình ắc quy chưa sử dụng.
 - Năng lượng được sử dụng để làm nóng trong lò vi sóng, nồi cơm điện.
- Câu 13.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về vai trò của năng lượng ATP trong tế bào?
- Phân hủy các chất hóa học cần thiết cho cơ thể.
 - Tổng hợp nên các chất hóa học cần thiết cho tế bào.
 - Vận chuyển các chất qua màng.
 - Sinh công cơ học.
- Câu 14.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai. ATP được coi là “đồng tiền năng lượng của tế bào” vì
- ATP là một hợp chất cao năng.
 - ATP dễ dàng truyền năng lượng cho các hợp chất khác thông qua việc chuyển nhóm photphat cuối cùng cho các chất đó để tạo thành ADP
 - ATP được sử dụng trong mọi hoạt động sống cần tiêu tốn năng lượng của tế bào
 - Mọi chất hữu cơ trải qua quá trình oxygen hóa trong tế bào đều sinh ra ATP.
- Câu 15.** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về các hoạt động không tiêu tốn năng lượng ATP?
- sinh trưởng ở cây xanh.
 - sự khuếch tán chất tan qua màng tế bào.
 - sự co cơ ở động vật.
 - sự vận chuyển chủ động các chất qua màng sinh chất.

PHẦN III. TRẢ LỜI CÂU HỎI NGẮN

BÀI 9. TẾ BÀO NHÂN THỰC

.....Hết.....